

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế mẫu về quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế mẫu về quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã” (sau đây gọi chung là Quy chế mẫu).

Điều 2. Căn cứ Quy chế mẫu và đặc thù riêng của từng địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Quy chế cụ thể, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội Vụ (ph/hợp chỉ đạo);
- UBND các tỉnh, Tp. trực thuộc Trung ương (chỉ đạo);
- Sở NN&PTNT, Sở Nội vụ (th/hiện, các tỉnh, Tp. trực thuộc TW | ph/hợp);
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG



Phát

Cao Đức Phát

QUY CHẾ MẪU

Về quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2851 /QĐ-BNN-TCCB ngày 08 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trách nhiệm, quyền hạn trong quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); các nhân viên kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn cấp huyện, xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các nhân viên kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực thi nhiệm vụ quản lý Nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn ở cấp huyện, cấp xã chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện” là các tổ chức trực thuộc tổ chức ngành dọc cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn): Chi cục Thú y, Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Đê điều và phòng, chống lụt bão, Trung tâm Khuyến nông-Khuyến ngư/Khuyến lâm và đặt trên địa bàn cấp huyện, bao gồm: Trạm

Thú y, Trạm Bảo vệ thực vật, Hạt Kiểm lâm, Hạt Quản lý đê, Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư/Khuyến lâm.

2. “Các nhân viên kỹ thuật” là các nhân viên chuyên môn, kỹ thuật nông nghiệp và phát triển nông thôn do các cơ quan có thẩm quyền hợp đồng hoặc điều động về công tác trên địa bàn cấp xã, gồm nhân viên: thú y, bảo vệ thực vật, thủy lợi, khuyến nông-khuyến ngư/khuyến lâm và kiểm lâm viên địa bàn.

3. “Các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã”, gồm: Ban Chỉ huy quân sự huyện; Công an huyện; cơ quan Tài nguyên và Môi trường; Đài Phát thanh và Truyền hình; Quản lý thị trường; các tổ chức đoàn thể cấp huyện, xã; lực lượng dân quân tự vệ và các tổ chức khác có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG, NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ VÀ PHỐI HỢP CÔNG TÁC

Điều 4. Nội dung quản lý, phối hợp chung

1. Triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các quy định của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

2. Xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của cấp huyện, cấp xã.

3. Triển khai nhiệm vụ của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trong từng lĩnh vực cụ thể trên địa bàn cấp huyện, cấp xã.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý, phối hợp công tác

1. Đảm bảo thống nhất giữa quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ cấp tỉnh tới cơ sở với quản lý theo địa bàn, lãnh thổ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của các tổ chức được pháp luật quy định.

2. Trình tự giải quyết công việc được thực hiện theo quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch công tác và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện và các nhân viên kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã.

3. Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin, báo cáo theo đúng phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Điều 6. Phương pháp phối hợp khi giải quyết công việc cụ thể

1. Khi cần giải quyết các vấn đề về tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện nhưng có liên quan trực tiếp tới thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã chủ trì mời các tổ chức này họp. Nếu vượt quá thẩm quyền thì Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên chủ trì, đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc thủ trưởng tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện được mời để tham gia ý kiến.

2. Khi cần phối hợp để giải quyết các lĩnh vực công tác có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ quản lý ngành thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của từng tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện thì thủ trưởng các tổ chức này chủ trì mời các tổ chức liên quan họp thảo luận, bàn bạc giải quyết. Nếu vượt quá thẩm quyền thì có trách nhiệm báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chủ trì xem xét, giải quyết.

3. Trong trường hợp cần giải quyết công việc mà không tổ chức họp được, hoặc không cần tổ chức họp thì có thể bằng hình thức báo cáo, trao đổi thông qua các phương tiện thông tin liên lạc, thống nhất ý kiến bằng văn bản.

Chương III

QUẢN LÝ, PHỐI HỢP TRONG CÁC LĨNH VỰC CÔNG TÁC CỤ THỂ TRÊN ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN, XÃ

Điều 7. Trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân liên quan

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã chịu trách nhiệm thống nhất quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện trong các hoạt động quản lý, chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện có trách nhiệm đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã trong công tác quản lý, chỉ đạo và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Các nhân viên kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã thực hiện các nhiệm vụ tại Thông tư số 04/2009/TT-BNN ngày 21/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn công tác trên địa bàn cấp xã.

Điều 8. Trách nhiệm, quyền hạn cụ thể trong các lĩnh vực công tác

Việc quy định về nội dung quản lý, phối hợp trong từng lĩnh vực công tác cần đảm bảo làm rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và các cơ quan liên quan trong công tác quản lý, phối hợp của các tổ chức, cá nhân liên quan (Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức ngành, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các nhân viên kỹ thuật,...) ; đồng thời cần quy định rõ:

- *Nhiệm vụ nào phải đề xuất hoặc phải phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

- *Nhiệm vụ nào trước khi tổ chức thực hiện hoặc thực hiện hoàn thành phải báo cáo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã.*

- *Nhiệm vụ nào phối hợp với các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện, xã.*

- *Những nhiệm vụ trong trường hợp cần thiết phải chịu sự chỉ đạo, kiểm tra và điều động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã theo quy định của pháp luật.*

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu, số lượng các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện và các nhân viên kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã; đặc điểm cụ thể của địa phương để quy định nội dung quản lý, phối hợp cụ thể ở cấp huyện và cấp xã triển khai trong các lĩnh vực sau đây:

1. Quản lý, phối hợp trong công tác thú y
2. Quản lý, phối hợp trong công tác bảo vệ thực vật
3. Quản lý, phối hợp trong công tác bảo vệ và phát triển rừng
4. Quản lý, phối hợp trong công tác thủy lợi và quản lý đê điều
5. Quản lý, phối hợp trong công tác khuyến nông/khuyến lâm/khuyến ngư

Chương IV

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO, GIAO BAN, SƠ KẾT VÀ TỔNG KẾT

Điều 9. Thông tin báo cáo

1. Định kỳ hàng tháng, các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện tổng hợp kết quả thực hiện công tác chuyên môn và các nội dung thực hiện phối hợp công tác, báo cáo các tổ chức ngành dọc cấp tỉnh; đồng thời gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế huyện.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế huyện tổng hợp kết quả thực hiện công tác chuyên môn và các nội dung thực hiện phối hợp công tác của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân huyện.

3. Hàng tuần, hàng tháng hoặc đột xuất, các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Giao ban

Định kỳ hàng quý, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tổ chức họp giao ban rút kinh nghiệm việc thực hiện công tác quản lý, phối hợp, thông tin báo cáo theo Quy chế với thành phần gồm: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế, các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện; các Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức liên quan trên địa bàn cấp huyện (nếu có nội dung quản lý, phối hợp công tác có liên quan).

Điều 11. Sơ kết, tổng kết

1. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Quy chế; đồng thời lấy ý kiến góp ý để bổ sung, hoàn thiện Quy chế cho phù hợp với thực tiễn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung Quy chế.

2. Ba năm hoặc năm năm một lần, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức họp tổng kết đánh giá việc thực hiện Quy chế trên địa bàn cấp tỉnh.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng dự thảo, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan và hoàn chỉnh Quy chế phối hợp công tác giữa các tổ chức cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; giữa các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn cấp xã với Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các nhân viên kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực thi nhiệm vụ quản lý Nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn ở cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quy chế sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt tại địa bàn cấp huyện và phối hợp các ngành, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các nhân viên kỹ thuật công tác trên địa bàn cấp xã thực hiện Quy chế sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu có vướng mắc, Thủ trưởng các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG



Cao Đức Phát